

VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ THUYỀN THỐNG (qua dẫn liệu làng nghề gỗ Sơn Đồng, gốm Bát Tràng - Hà Nội và chạm bạc Đồng Xâm - Thái Bình)

Vũ Trung*

1. Dẫn luận

Làng nghề thủ công là một phần không thể thiếu của làng xã nông nghiệp cổ truyền, vì nó phản ánh đầy đủ thuộc tính tự cung, tự cấp và tính khép kín cố hữu của làng xã nông nghiệp. Mặt khác, làng nghề lại biểu hiện tính năng động, sáng tạo của người nông dân trong quá trình thích ứng với điều kiện địa lý, kinh tế xã hội nhất định, đồng thời thể hiện rất rõ yếu tố mở của xã hội tiểu nông.

Trước tiên, các sản phẩm của nghề thủ công khi sản xuất ra là để đáp ứng nhu cầu thường ngày của từng gia đình, sau đó mới trao đổi trong cộng đồng làng xã. Sau này, do nhu cầu của xã hội nên nghề thủ công được chuyên môn hoá, hình thành nên các làng nghề, phường/hội nghề. Ngoài ra, làng nghề còn được hình thành bởi yếu tố địa - văn - hoá và sức thu hút của các trung tâm chính trị, kinh tế¹. Đây là một quy luật bất biến, bởi làng nghề hay phường/hội thủ công nảy sinh để đáp ứng nhu cầu nội tại của cộng đồng và nhu cầu của vùng miền². Điểm khác biệt giữa chúng chính là tính chất của khu vực trung tâm chi phối đến tính chất sản phẩm của làng nghề...

Đất nước Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, làng Việt nói chung hay làng nghề nói riêng có nhiều biến đổi. Quá trình này về bản chất chính là quá trình đô thị hoá nông thôn dẫn đến những hệ quả tất yếu đã nhìn thấy về làng nghề:

[1]. Nhiều làng nghề đã biến mất do không còn nhu cầu sử dụng lẫn thị trường;

[2]. Nhiều làng nghề đang đứng trước nguy cơ mai một bởi thị trường co lại và nhu cầu ít ỏi của một bộ phận người sử dụng;

[3]. Các làng nghề vẫn đang tồn tại và phát triển do nhu cầu và thị trường vẫn còn, nhưng đều buộc phải thay đổi quy trình sản xuất, thay đổi mẫu mã cho phù hợp.

Vậy, tính chất truyền thống của nghề thủ công có còn không (?) (Nghề thủ công gắn liền với lao động mang tính kỹ năng, kỹ xảo, bí quyết nghề nghiệp, phụ thuộc rất nhiều vào thời vụ...), làng nghề có thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường (?) hay sẽ chuyển đổi sang một cơ chế hoạt động khác, và

*NCS. Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

song hành với nó chính là văn hoá làng nghề cũng đứng trước những thách thức mới - chắc chắn sẽ mang một diện mạo mới trong cộng đồng làng xã nông nghiệp nông thôn Việt Nam. Vì vậy, trong báo cáo này, chúng tôi sẽ phác hoạ một phần diện mạo của văn hoá làng nghề truyền thống để chuẩn bị cho những nghiên cứu về biến đổi văn hoá làng nghề trong thời kỳ đổi mới.

2. Văn hoá làng nghề truyền thống

2.1 Thử phân định thuật ngữ nghề làng, làng nghề, văn hoá làng nghề

Làng nghề thủ công như là gương mặt khác của làng xã nông nghiệp, nó là một bộ phận không thể tách rời, thậm chí phát triển song hành cùng làng xã của người Việt. Chính vì vậy, khi tìm hiểu và phân tích về làng nghề truyền thống, chúng ta thật khó có thể phân định một cách rõ ràng thế nào là làng nghề và thế nào không phải là làng nghề. Mặt khác, khi định dạng thuật ngữ này, chúng tôi còn gặp phải những tiêu chí đã được mặc định sẵn của các ngành³ khác như: Du lịch, Kinh tế...

- Vào những 1957, trong cuốn Sơ khảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam, tác giả Phan Gia Bền đã đưa ra 1 số khái niệm như nghề thủ công⁴ và thợ thủ công⁵ chứ chưa đề cập đến khái niệm làng nghề hay làng nghề thủ công truyền thống. Chính vì thế, tác giả này chỉ dẫn ra những số liệu về tổng số nghề ở châu thổ Bắc Bộ của học giả P.Gourou trong cuốn Người nông dân ở châu thổ Bắc kỳ là: "Ở Bắc kỳ có rất nhiều công nghiệp khác nhau: điều đó không có gì lạ, vì dân chúng ở châu thổ phải tự túc về nhu cầu đối với các hàng chế tạo. Chúng tôi đã đếm được 108 nghề khác nhau và con số này chắc chắn còn thấp hơn thực tế một chút"⁶. Điều này cũng dễ hiểu vì tác giả P.Gourou chỉ nhìn làng Việt dưới góc độ địa lý học - phân làng của người Việt cổ truyền thành 3 loại: Làng ven sông, ven đò và làng ven biển. Sau này, có một số nhà nghiên cứu phân loại làng theo chức năng kinh tế⁷: Làng ruộng, Làng vườn (như ở Nam Bộ), Làng nghề (Bát Tràng, Triều Khúc, Kim Bồng, làng Vân), Làng buôn (Đồng Kỵ, Đa Ngru, Đình Bảng, Phú Thị), làng chài (các vạ chài ven sông, ven biển).

- Trong cuốn Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm, GS. Trần Quốc Vượng đã "thử đưa ra một định nghĩa về làng nghề" nhưng thực chất đây là một định nghĩa đầy đủ nhất từ trước đến nay. Trước hết, định nghĩa này khẳng định làng nghề là một yếu tố quan trọng trong xã hội tiểu nông, có những làng gắn với nông nghiệp và có những làng được chuyên môn hoá (những làng chuyên môn hoá thường gắn liền với đô thị hay kinh đô hoặc khu vực trung tâm và có một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp, có cơ cấu tổ chức phường hội...):

"Theo chúng tôi hiểu gọi là một làng nghề (như làng gốm Bát Tràng, Thổ Hà, Phù Lãng, Hương Canh..., làng đồng (Bưởi, Vó, Hè Nôm, Thiệu Lý, Phước Kiều...), làng giấy vùng Bưởi, Dương Ổ..., làng rèn sắt Canh Diễn, Phù Dực, Đa Hội v,v...) là làng ấy, tuy vẫn có trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi

nhỏ (lợn, gà...) cũng có 1 số nghề phụ khác (đan lát, làm tương, làm đậu phụ...) song đã nổi trội một nghề cổ truyền, tinh xảo, với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường (cơ cấu tổ chức), có ông trùm, ông phó cả... cùng một số thợ và phó nhỏ, đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định, "sinh ư nghệ, tử ư nghệ", "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh", sống chủ yếu được bằng nghề và sản xuất ra các mặt hàng thủ công; những mặt hàng này có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hoá có quan hệ tiếp thị (marketing) với một thị trường là vùng rộng xung quanh và với thị trường đô thị, thủ đô (Kẻ Chợ, Huế, Sài Gòn...) và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi xuất khẩu ra nước ngoài"⁸

Dựa theo quan điểm phân chia làng Việt theo chức năng về kinh tế và định nghĩa của GS. Trần Quốc Vượng, chúng tôi đưa ra một số đặc điểm của làng Việt nói chung và làng nghề ở châu thổ sông Hồng như sau: Trong diễn trình lịch sử, làng Việt đã trải qua các giai đoạn phát triển, hình thành nên những hình thái - kiểu làng để phù hợp với từng thời kỳ lịch sử nhất định. Các kiểu hình thái này song song tồn tại cho đến thời điểm hiện nay.

- Làng nông nghiệp: là cư dân chủ yếu sinh sống bằng nghề trồng lúa nước, ngoài ra trong thời gian nông nhàn họ làm thêm nghề phụ khác (nghề thủ công như: làm đậu, đan lát,...) để tăng nguồn thu nhập - nghề phụ của làng được gọi là Nghề làng)

- Làng nghề: là những làng trước đây nguồn thu cũng dựa vào nông nghiệp là chủ yếu, nhưng do điều kiện khách quan nào đó (vị trí địa lý thuận lợi, nghề phụ có thị trường tiêu thụ rộng lớn trên bình diện vùng, miền...) các làng này đã chuyển hẳn sang sản xuất các sản phẩm mang tính chuyên biệt và nguồn thu của các sản phẩm là nguồn thu nhập chính của làng. Ngoài ra, có một số làng nghề có quá trình hình thành rất đặc biệt. Ví dụ như làng gốm Bát Tràng ven sông Hồng⁹: làng được hình thành trên cơ sở bãi bồi ven sông, chỉ thuần tuý làm nghề gốm từ khi lập nghiệp (nhưng quê gốc vẫn là những làng xuất phát từ nghề làng) - đây là một minh chứng điển hình cho sức hút của Kẻ Chợ¹⁰.

- Một đặc tính nữa của xã hội tiểu nông là buôn bán nhỏ lẻ, dần dần đã hình thành nên một số làng buôn, nhưng thực tế cho thấy, làng buôn không thể đứng vững một mình mà phải phụ thuộc rất nhiều vào nghề làng và làng nghề.

- Ngoài ra, còn một số kiểu làng khác như: làng vạm chài ven sông¹¹...

Vậy đặc trưng của văn hoá làng nghề ở châu thổ sông Hồng bao gồm những yếu tố gì (?) và khác gì so với làng nông nghiệp (?):

Về cơ bản, đặc trưng của văn hoá làng nghề cũng tương tự văn hoá làng truyền thống với những yếu tố cấu thành như:

+ Cơ cấu tổ chức: Diện mạo làng xã, dòng họ, phe, giáp, các hội đồng niên...

+ Văn hoá vật thể: đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ họ, nhà ở...

+ Văn hoá phi vật thể: Luật tục, phong tục, tập quán, ứng xử xóm làng, lễ hội, tín ngưỡng dân gian...

Do nguồn sống chủ yếu dựa vào các sản phẩm của nghề thủ công và việc trao đổi buôn bán (kinh tế hàng hoá), cộng thêm sự tác động của quá trình di dân (di động xã hội), nên văn hoá làng nghề có yếu tố mở khác hẳn với làng nông nghiệp.

+ Cơ cấu tổ chức: Phường/hội nghề, mối quan hệ làng xóm - dòng họ - gia đình - thợ thủ công.

+ Một số hình thái văn hoá: Nghề và tín ngưỡng thờ tổ nghề (nơi thờ tổ nghề); ứng xử mang tính tiểu thương; bí quyết và kỹ xảo nghề; các tập tục riêng biệt của làng nghề...

- Theo tác giả Robert McCarl trong công trình Văn hoá dân gian trong các nghề¹² đã cho chúng ta thấy các xu hướng trong nghiên cứu văn hoá nghề:

"Các khía cạnh biểu cảm của nơi làm việc với sự chú trọng đặc biệt đến các truyện kể, kỹ xảo và nghi lễ được biết đến bằng cách không chính thức và được trao truyền từ thế hệ người lao động này sang thế hệ khác. Ở Châu Âu, việc nghiên cứu văn hoá dân gian trong các nghề có liên quan đến văn hoá lao động và ý thức lao động, nhưng nghiên cứu trường hợp tương tự ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì lại có liên quan nhiều hơn đến những biểu cảm mang tính văn hoá (truyện kể, bài hát, kỹ xảo và phong tục) ở nơi lao động mà coi trọng những bối cảnh xã hội và chính trị, nơi những biểu cảm này được hình thành và sử dụng..."

Như vậy, khi so sánh việc nghiên cứu văn hoá làng nghề ở Việt Nam với văn hoá dân gian trong các nghề ở các nước phương Tây, chúng ta thấy có một độ vênh nhất định. Đối với người Việt, làng là một đơn vị căn bản: đơn vị hành chính, đơn vị văn hoá, "là tế bào sống của xã hội Việt Nam, là sản phẩm tự nhiên tiết ra từ quá trình định cư và cộng cư của người Việt"¹³ nên khi nghiên cứu về văn hoá làng nghề việc cần thiết phải nghiên cứu tổng thể những yếu tố cấu thành nên văn hoá làng và văn hoá của nghề. Còn đối với phương Tây (ở Châu Âu và Mỹ) do đã trải qua thời kỳ tiền tư bản¹⁴ từ rất lâu nên các học giả phương Tây chỉ nghiên cứu truyện kể, kỹ xảo và nghi lễ của nghề.

2.2. Một phần diện mạo văn hoá làng nghề qua nghiên cứu trường hợp làng Sơn Đồng, Bát Tràng, Đồng Xâm

- Ba làng nghề Sơn Đồng, Bát Tràng, Đồng Xâm nằm ở vùng Thượng, Trung và Hạ châu thổ sông Hồng có các đặc điểm như sau:

Làng Sơn Đồng thuộc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây¹⁵ (xứ Đoài), nằm giữa sông Đáy và sông Nhuệ, cách Hà Nội 10km về phía Tây. Trước đây, làng thuộc huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai và nằm cạnh những địa danh rất cổ của xứ Đoài như: Kẻ Thìa, Kẻ Giá, Kẻ Sắt... Làng được chia thành 4 giáp (Đông Nhất, Đông Nhì, Tây Thượng, Tây Hạ) và 16 phe, sau này lập thêm 2 trại: Trại Chiêu và Trại Xa tạo thành thế chân vạc để tiện canh tác, bảo vệ

hương thôn. Cũng như bao làng quê khác, ngoài việc trồng lúa nước, người dân Sơn Đồng có rất nhiều nghề phụ như: dệt vải, thêu, làm mộc... nhưng đặc biệt hơn cả là nghề làm tượng thờ. Tương truyền, vị tổ nghề làm tượng ở Sơn Đồng là đức thánh Đào Trục - người có công lập làng và hiện nay được nhân dân thờ tại đình và đền Thượng. Trong ngọc phả đền Thượng chép như sau: "Vào năm Bính Tý (976?), đức Thánh lập ấp và mở trường dạy học ở Sơn Đồng, dùng nghề làm tượng để mưu lợi cho dân"¹⁶.

Làng Đồng Xâm¹⁷ trước đây thuộc trấn Sơn Nam Hạ, hiện nay được xác định ranh giới là làng Thượng Gia, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Làng có 3 thôn: Nam Hoà, Bắc Dũng, Gia Mỹ nằm ở cả hai bên tả và hữu ngạn sông Vông¹⁸. Văn bia dựng tại am thờ tổ nghề trong quần thể di tích đền Đồng Xâm có ghi: "Hoàng triều chính hoà thập niên, tổ phụ Nguyễn Kim Lôu hành nghề "bổ chữ đồng ngoa" thượng Châu Bảo Long tự lạc học nghệ đáo Đồng Xâm xứ, kiến lập nhị phường kim hoàn truyền nghề". Như vậy, nghề chạm bạc ở Đồng Xâm có cách đây hơn 400 năm, ông tổ nghề là Nguyễn Kim Lôu lập ra Phúc Lộc phường và có quy ước truyền nghề riêng¹⁹.

Bát Tràng thuộc xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội²⁰. Như đã dẫn giải ở phần trên, làng gốm Bát Tràng được hình thành từ rất lâu đời nhưng không dựa trên nền tảng nông nghiệp.

Như vậy, ba làng có quá trình hình thành cũng như cơ cấu tổ chức nghề tương đối khác biệt: Làng Sơn Đồng và Đồng Xâm hình thành với nền tảng nông nghiệp (nghề làng), nhưng làng Đồng Xâm lại hình thành phường/hội nghề từ rất sớm với những quy định khá chặt chẽ còn làng Sơn Đồng, chúng tôi vẫn chưa tìm thấy dấu vết của phường/hội thủ công. Đặc biệt, làng Bát Tràng trong cơ cấu tổ chức của mình, làng vừa có phường/hội thủ công: Bạch Thổ phường - phường đất trắng (sau này đổi tên thành phường Bá Tràng rồi Bát Tràng) với những đặc trưng của văn hoá làng nghề nhưng lại vừa mang đậm dấu ấn văn hoá của một làng thuần nông nghiệp.

2.2.1. Lễ hội và phong tục tập quán ở làng quê gắn liền với môi trường tự nhiên và những luật tục riêng của từng làng/xã. Chức năng của lễ hội và phong tục tập quán là biểu hiện các giá trị xã hội của một cộng đồng, tái xác định lại những mối liên hệ và gắn bó, liên kết các thành viên trong cộng đồng với nhau²¹ (có kết cộng đồng). Qua những nghiên cứu bước đầu về lễ hội và phong tục tập quán của 3 làng nghề, chúng tôi có những nhận xét như sau:

+ Dấu ấn văn hoá làng thuần nông nghiệp trong các làng nghề bảo lưu khá đậm nét: Nhìn vào hình thức biểu hiện của lễ hội như tế lễ, lễ vật, trò chơi dân gian và trò diễn, chúng ta thấy được phần nào mảnh ghép của những tín ngưỡng mang tính chất cổ xưa trong các làng nghề:

Tín ngưỡng phồn thực với tục làm bánh dày, bánh cuốn té thành hoàng làng²², tục giăng bông để cầu đình²³ (sự tiếp biến của tục mùa mo²⁴);

Tục bơi chải trên sông Vông trong lễ hội Đồng Xâm;

Tục rước nước làm lễ tế thủy thần của cư dân Bát Tràng.

Ngoài hình thức biểu hiện trong một thời điểm nhất định, mà ai cũng có thể quan sát được như lễ hội, thì một số phong tục của cư dân nông nghiệp trong các làng nghề vẫn tồn tại đến ngày nay như tục trọng lão (lên lão, mừng thọ vào dịp đầu năm mới), tục trải chiếu lót đường trong đám ma của những người thọ trên 90 tuổi mà lúc sống họ là người phúc đức, con cái đê huê. Và một số tục lệ khác như cưới xin, giỗ họ,...

+ Khi đi sâu tìm hiểu về nhân vật được thờ phụng, chúng tôi nhận thấy có hai xu hướng rất khác biệt:

Xu hướng thứ nhất - sự chuyển đổi và hợp nhất thành hoàng làng và tổ nghề: Làng Sơn Đồng có 2 truyền thuyết liên quan đến các vị thánh được thờ phụng trong cụm di tích đình, đền, chùa... Mỗi truyền thuyết đều ẩn chứa một phần sự thật lịch sử: Truyền thuyết 1: Đình làng thờ Vương Thanh Cao là một học trò nghèo, khi đi qua làng Sơn Đồng đói và khát liền rẽ vào vườn cà trầy 1 quả để ăn. Chẳng may bị chủ vườn cà bắt được đánh vào chỗ phạm nên chết. Do chết vào giờ linh nên dân làng lập miếu thờ. Tục lệ này còn dấu ấn đến ngày nay: Hàng năm cứ đến ngày lễ hội mừng 6 tháng 2 lễ vật dâng thánh là bánh dày, bánh cuốn - biểu tượng cho quả cà và chiếc đòn gánh. Truyền thuyết 2: Đền làng Sơn Đồng thờ đức thánh Đào Trục - là công thần thời Tiền Lê (được sắc phong vào năm Hồng Đức nguyên niên (1572)). Tương truyền đức thánh là người có công mở trường dạy học và truyền nghề tạc tượng cho nhân dân tại địa phương. Khi quân Tống sang xâm lược nước ta, ông đã hưởng ứng lời kêu gọi của vua Lê Đại Hành cùng với các học trò ở trại Sơn Đồng luyện tập đánh giặc cứu nước. Khi thắng giặc trở về, nhà vua mở tiệc ăn mừng, phong thực ấp cho ông tại phủ Quốc Oai trong đó có trại Sơn Đồng. Hiện nay, dân làng thờ đức thánh tại hai nơi: đình và đền. Ngoài ra, khi khảo cứu các di vật trong đình làng, chúng tôi thấy trên bức đại tự ở nghi môn có ghi 4 chữ "Thánh Hậu vương từ". Điều này chứng tỏ rằng đây là ngôi đền thờ mẫu cổ. Vậy, có thể khẳng định rằng, đình làng có nhiều lớp thần được thờ phụng qua từng thời kỳ khác nhau: lớp thần sớm nhất là thờ mẫu²⁵, sau đó là nhân vật chết vào giờ thiêng (Vương Thanh Cao), lớp thần muộn nhất là đức thánh Đào Trục - tổ nghề tạc tượng ở Sơn Đồng.

Xu hướng thứ hai - sự mờ nhạt dần của tín ngưỡng thờ tổ nghề: Ở Đồng Xâm, tuy trước đây phường/hội thủ công hình thành và phát triển rục rờ nhưng nơi thờ tổ nghề hiện nay chỉ là một am thờ nhỏ trong quần thể di tích đền Đồng Xâm - nơi thờ Triệu Vũ Đế, còn làng Bát Tràng thì không có nơi thờ tổ nghề.

2.2.2 Tâm lý cộng đồng

Không phải ngẫu nhiên dân gian có câu: "Có thực mới vực được đạo", gia đình mà không khá giả, không đủ ăn, đủ tiêu thì không thể dùi mài kinh sử. Nếu chỉ dựa vào nông nghiệp thuần túy - chỉ trông chờ vào mùa vụ thì người nông dân chỉ có thể đủ ăn, có khi còn thiếu đói, thì làm sao có thể nuôi các ông đồ ăn học để thi đỗ bảng nhãn, thám hoa, trạng nguyên rồi ra làm quan.

Cũng rất ngẫu nhiên khi chúng tôi chọn 3 làng để nghiên cứu thì 2 trong 3 làng đều là làng khoa bảng: Làng Sơn Đông có 8 Tiến sĩ và 121 Cử nhân. Vào đời Trần có Vương Hữu Phùng đỗ Thám hoa khoa thi Đình Mùi năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 21 (1227); đời vua Trần Thái Tông có Nguyễn Hữu Phu đỗ Hoàng giáp khoa thi Nhâm Tuất niên hiệu Đại Bảo tam niên (1442); Nguyễn Viêt Thứ sinh năm 1644 mất năm 1692 đỗ Tiến sĩ Đình nguyên khoa thi Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị thứ 2 (1664) - Đông các đệ nhị khoa thi Bính Thìn năm 1676 - ông là người đỗ cao nhất trong làng... Văn chỉ làng Bát Tràng có hai bức trướng ghi tên tuổi của 364 người đỗ đạt trong đó có 9 Tiến sĩ và Trạng nguyên. Trong lễ hội hay sinh hoạt làng xã, cư dân Bát Tràng có những quy định rất rõ ràng trong hương ước: đình làng chia làm 4 góc, những chiếc chiếu cạp điều dành cho những người được tôn kính như: góc trong bên tả giành cho những người đỗ tiến sĩ, bên hữu dành cho người cao tuổi, góc ngoài bên tả dành cho quan võ còn bên tả dành cho trùm làng - người giàu có bằng nghề. Ngoài ra, sự phân chia hạng người thành 3 thứ bậc cũng biểu hiện rất rõ sự tôn vinh những người có học vị, giàu có và thợ thủ công: "Hạng thứ nhất gồm các quan văn, võ và những người giàu có; Hạng thứ hai gồm những người thợ làm gốm và hạng thứ ba là những người buôn bán khác"²⁶. Làng Đồng Xâm cũng có nhiều người đỗ đạt cao...

Điều này cũng chứng tỏ rằng, nghề là một trong những yếu tố quan trọng, tạo tiền đề căn bản (kinh tế) cho tầng lớp nho học để có thể chuyển lên tầng lớp cao hơn thông qua thi cử trong xã hội Việt Nam truyền thống. Đồng thời, việc tôn vinh những người học rộng, đỗ đạt cao và nhất là những người giàu có trong làng thì khác hẳn với quan niệm truyền thống trước đây của các làng làm nông nghiệp thuần túy. Đây chính là một trong những biểu hiện đặc trưng của tâm lý cộng đồng nghề (tâm lý tạo nên lối ứng xử).

- Ngoài ra, nghề nghiệp và sự giao lưu buôn bán (yếu tố mở) còn tạo cho người dân làng nghề đặt ra nguyên tắc cơ bản như sau:

+ Coi trọng chữ tín trong làm ăn buôn bán (không ham cái lợi nhỏ để làm mất uy tín của làng/phường/hội nghề)

+ Nguyên tắc truyền nghề để giữ gìn bí quyết, kỹ xảo của làng nghề/phường hội nghề: Nghề chỉ truyền cho đàn ông và con dâu, không truyền cho con gái²⁷, nếu truyền nghề cho người ngoài làng/phường/hội thì những người thợ cả phải họp lại và thống nhất chỉ truyền nghề đến một số công đoạn nhất định²⁸.

+ Kiên ky nghề nghiệp

+...

2.2.3 Kỹ xảo nghề:

Đối với nghề gốm: Nguyên tắc đầu tiên trong cả chuỗi chu trình của nghề chính là khâu chọn đất, loại đất nào thì sẽ cho ra sản phẩm đó. Đất tốt, men hay, kết hợp với bàn tay tài hoa của người thợ thủ công và quá trình nung

gôm (độ lửa phù hợp) sẽ tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Hiện nay, ở Bát Tràng, người dân không còn nung gốm bằng củi với lò cóc, lò bầu nữa mà chuyển hết sang lò ga. Vì thế, đất, men, công sức lao động của người thợ là yếu tố cơ bản, nhưng nếu muốn ra lò được hàng đẹp, phù hợp với thị hiếu của thị trường thì men lại là yếu tố quyết định (kỹ thuật pha chế men).

Đối với nghề tạc tượng thờ: Nguyên tắc đầu tiên là chọn gỗ - đối với từng loại gỗ sẽ được người thợ lựa chọn để sử dụng lên cốt ở vị trí nào trên pho tượng. Điều quan trọng thứ 2 là chế biến sơn ta (trộn sơn và các phụ liệu) để tạo thành các loại sơn khác nhau như: sơn thối (dầu chấu với bột sơn), thối then (ngâm sắt non trong sơn)... Người dân Sơn Đồng có câu: "phi thổ bất thành sơn" có nghĩa là sơn không pha với đất thì không phải là loại sơn tốt (sơn ta trộn với đất thối nghiền nhỏ) nhưng pha sơn như thế nào thì đó lại là bí quyết mà ít ai có thể biết được ngoài người thợ cả. Ngoài ra, trong quá trình sơn thếp, chỉ có người thợ mới biết ở thời tiết nào thì sơn công đoạn gì cho sản phẩm... Nhưng riêng với sản phẩm là tượng thờ, khi giao hàng cho khách thì sản phẩm này không còn là một sản phẩm tiêu dùng thuần túy mà nó gắn liền với yếu tố tâm linh. Vì thế, nghề tạc tượng còn gắn liền với nghi lễ "hô thần nhập tượng" - đây là một vấn đề cần được các nhà nghiên cứu quan tâm:

- Quy trình của lễ hô thần nhập tượng (yểm tâm)
- Đối tượng thực hiện được nghi lễ này
- Sự liên kết giữa những người hành nghề tôn giáo tín ngưỡng với người thợ thủ công

Đối với nghề chạm bạc: Luyện bạc là một trong những kỹ thuật cao nhất của nghề - thực chất là tăng độ cứng cho bạc. Luyện bạc xong là đến bước dát bạc: người thợ dùng búa cái và búa vảo để biến thoi bạc thành 1 miếng kim loại mỏng phù hợp với sản phẩm định chế tác với các kỹ thuật đục, cuốn và vảo. Chạm bạc có công đoạn chính như sau: tạo mẫu, tạo dáng, tạo hoa văn, hàn nối các bộ phận và đánh bóng sản phẩm. Chạm bạc có 3 kỹ thuật "chạm ám", "chạm thúc" và "chạm thuy" (có người còn gọi là chạm rút trống).

Như vậy, mỗi nghề đều có kỹ thuật, kỹ xảo riêng, phụ thuộc vào dạng sản phẩm của nghề, trong từng công đoạn tiến hành sẽ có những bí quyết mang yếu tố quyết định, và những ứng xử đặc trưng.

3. Những vấn đề đặt ra về văn hoá làng nghề trong đời sống đương đại

Trong cuộc sống đương đại, khi Việt Nam đã ra nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, văn hoá làng hay văn hoá làng nghề chắc chắn sẽ biến đổi.

Theo Từ điển Tiếng Việt²⁹, thuật ngữ biến đổi có nghĩa là: sự đổi khác;

Biến đổi văn hoá: là sự đổi khác của văn hoá trong bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội nhất định. Nói cách khác, biến đổi văn hoá là sự thích nghi và phát triển của văn hoá trong từng giai đoạn của lịch sử, nếu không thích nghi và phát triển thì văn hoá sẽ biến đổi theo chiều hướng không tích cực.

Vậy, những vấn đề đặt ra khi nghiên cứu sự biến đổi văn hoá làng nghề là gì (?) xu hướng biến đổi (?) và đưa ra những chính sách mang tính định hướng để xã hội tự điều tiết như thế nào (?). Dưới đây, chúng tôi cũng chỉ nêu ra một số biến đổi căn bản để cùng thảo luận:

3.1 Những biến đổi văn hoá làng nghề

- Các yếu tố chính trị - kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự biến đổi của nghề truyền thống và văn hoá làng nghề.

- Các nguyên nhân bên trong của cộng đồng làng ảnh hưởng đến sự biến đổi văn hoá làng nghề (tâm lý cộng đồng, hệ thống giá trị chuẩn mực).

- Sự biến đổi các yếu tố cấu thành nên văn hoá làng nghề

- Quá trình đô thị hoá sẽ làm tan rã cộng đồng làng.

- Sự hình thành các yếu tố văn hoá mới trong làng nghề.

3.2 Vấn đề bảo tồn và phát huy văn hoá các làng nghề

- Chính sách gắn phát triển kinh tế với văn hoá làng nghề (chuyên sâu hoá một số ngành nghề).

- Phát triển văn hoá làng nghề trên cơ sở bảo tồn các làng nghề truyền thống.

- Phát triển văn hoá làng nghề dựa vào phát triển du lịch bền vững - đây là một trong những bài toán nan giải - dùng kinh tế để thúc đẩy phát triển văn hoá và ngược lại - không chỉ riêng trường hợp ở Việt Nam mà còn là của cả khu vực và thế giới.

- Vấn đề vốn xã hội của làng nghề (hay đúng hơn là của cộng đồng cư dân của làng nghề ấy) trong quá trình hội nhập kinh tế thị trường, vốn xã hội có giúp ích gì trong quá trình tồn tại của làng nghề.

4. Trên đây chỉ là những sơ khảo và nhận định ban đầu về văn hoá làng nghề qua nghiên cứu trường hợp 3 làng nghề ở Thượng, Trung và Hạ châu thổ sông Hồng, chắc chắn vẫn còn sự thiếu sót cần phải bổ sung khi chúng tôi tiến hành nghiên cứu tổng thể văn hoá làng nghề ở châu thổ sông Hồng. Hy vọng báo cáo sẽ đóng góp phần phác họa nên một phần diện mạo của xã hội nông thôn, nông nghiệp truyền thống.

CHÚ THÍCH

¹ Kinh thành Thăng Long với khu vực 36 phố phường; Kinh thành Huế với các phường hội thủ công như: nghề gốm (Phước Tích, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế), nghề đúc đồng (Phường Đúc), nghề dệt (Phù Cam, Dương Nỗ), tranh (làng Sinh)...

² Nhu cầu của vùng, miền có thể là Tổng (liên làng), Trấn, Phủ hay Kinh đô...

³ Ngành ở đây là sự phân định tiêu chí của các Sở, Ban, Ngành của từng địa phương.

⁴ Phân chia thành 02 bộ phận: Nghề thủ công gắn liền với nông nghiệp và thủ công nghiệp cá thể tiểu sản xuất hàng hoá (sản xuất độc lập với quy trình sản xuất nông nghiệp): "Thủ công nghiệp là từ nông nghiệp mà ra và có thể nói, thủ công nghiệp là nền sản xuất trung gian giữa nông nghiệp và công nghiệp. Vì là trung gian nên nó còn mang nặng tính chất nông nghiệp mà đồng thời cũng đã có nhiều tính chất công nghiệp... Phạm vi thủ công nghiệp đi từ những nghề phụ nông thôn đến các nghề thủ công cá thể tiểu sản xuất hàng hoá rồi đến hình thức công trường thủ công tư bản chủ nghĩa là hình thức còn nhiều quan hệ với nông nghiệp đến hình thức quá độ

sang công nghiệp... Chúng tôi thấy ở Việt Nam có hai bộ phận chính trong ngành thủ công nghiệp: Bộ phận thủ công nghiệp phụ thuộc vào nền kinh tế tự nhiên nông nghiệp, cụ thể là nghề phụ gia đình của số đông nông dân... Bộ phận thứ hai là bộ phận thủ công nghiệp cá thể tiêu sản xuất hàng hoá, cụ thể là nghề thủ công độc lập đối với quy trình sản xuất nông nghiệp..." (Phan Gia Bền (1957), *Sơ khảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, tr 17-20)

⁵ "Ở nước ta thợ thủ công (thủ công nghiệp cá thể) là những người có tiêu chuẩn căn bản sau đây:

1- Lao động của họ là chính, có thể có những người vừa sản xuất hàng hoá để bán, vừa bán sức lao động đi làm thuê cho người khác, có thể dùng công nhân trong gia đình dùng để sản xuất, có thể thuê mướn thêm nhân công (thợ bạn hoặc thợ học nghề) nhưng chỉ để giúp họ sản xuất đại bộ phận thì giờ của thợ thủ công là để làm công việc sản xuất đó.

2- Sản phẩm của họ chủ yếu dùng để bán ra thị trường (không phải làm cho bản thân hay cho gia đình, cũng không phải để làm giúp cho người khác trong làng xóm trực tiếp tiêu dùng) và đó là nguồn sống chính của họ..." (Phan Gia Bền (1957), *Sơ khảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*, NXB Văn Sử Địa, H. tr 24-25)

⁶ Pierre Gourou (1936), *Người nông dân châu thổ Bắc kỳ*, (bản dịch Nguyễn Khắc Đạm, Đào Hùng, Nguyễn Hoàng Oanh, hiệu đính Đào Thế Tuấn), Hội KHLNVN - Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - NXB Trẻ, H. 2003.

⁷ Quan điểm của GS. Trần Quốc Vượng, GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc

⁸ Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, NXB VHDT và TCVHNT, H, tr. 372.

⁹ Sách *Đại Nam nhất thống chí* có ghi: "Sông Đài Bi là phân lưu của dòng sông Nhị. Nước sông từ địa phận xã Bát Tràng chảy qua các xã Giang Cao và Thuận Tồn rồi hợp với sông Nghĩa Trụ" (Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập IV, tr 83)

¹⁰ Trong cuốn *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV - XIX* của các tác giả: Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Quang Ngọc, ngoài ghi lại tâm thức dân gian của người dân Bát Tràng về nguồn gốc của nghề gốm vào thời Lý (1010 - 1225) các tác giả này phân tích về sự hình thành làng Bát Tràng: "Tại đình làng Bát Tràng có câu đối phản ánh lai lịch của cư dân và nghề gốm như sau: *Bồ di thủ nghệ khai đình vũ, Lan nhiệt tâm hương bái thánh thần* (nghề từ làng Bồ ra, khởi dựng đình miếu, Lòng thành như hương lan, cúng tạ thánh thần). Cùng với đôi câu đối trên là những truyền thuyết về các lớp cư dân của Bồ Bát di cư ra lập nghiệp ở Bát Tràng. Theo ký ức là tục lệ dân gian thì trong số các dòng họ ở Bát Tràng, dòng họ Nguyễn Ninh Tràng là cư dân bản địa và lâu đời nhất, nên được giữ vị trí quan trọng trong ngôi thứ cũng như trong lễ hội của làng. Có người phỏng đoán rằng, Nguyễn Ninh Tràng là họ Nguyễn ở trường Vĩnh Ninh (trường cũng đọc là tràng), một lò gốm ở Thanh Hoá, nhưng chưa có cứ liệu để xác nhận. Điều chắc chắn là truyền thuyết khá phổ biến và gia phả của một số dòng họ ở Bát Tràng như họ Trần, Lê, Vương, Phạm, Nguyễn... ghi nhận rằng tổ tiên xưa từ Bồ Bát di cư ra đây..."

¹¹ Làng Chài Vạn Vĩ, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây: là làng chài, sống thủy cư trên 1 đoạn sông Hồng.

¹² Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (chủ biên) (2005), *Folklore một số thuật ngữ đương đại*, Viện Nghiên cứu Văn hoá, NXB KHXH, Hà Nội, tr 393 - 410.

¹³ Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, NXB KHXH, Hà Nội, tr 11-12.

¹⁴ Chỉ xem xét trên phương diện phương thức sản xuất.

¹⁵ Nay thuộc Hà Nội

¹⁶ Ngọc phả đền Thượng, lưu tại địa phương (đền Thượng nằm trong quần thể di tích đình - đền - chùa Sơn Đồng)

¹⁷ Trước đây là Tổng Đồng Xâm

¹⁸ Theo các cụ già trong làng kể lại: Trước đây, vùng đất này chỉ là cồn đất nổi giữa bốn bề sông nước, trên cồn đất ấy mọc rất nhiều cây đồng vông, vì thế những người đến đây lập làng đầu tiên đặt tên cho mảnh đất này là Đồng Xâm. Đồng Xâm có nghĩa là gò cây vông mọc (?).

¹⁹ Phúc Lộc phường sắp đặt thành 7 làng có tên 149 người, trong đó bao gồm 1 trung phường, 7 chi phường đứng đầu, 7 hàng chia ra làm 18 thợ phát hàng, 22 thợ nhị hàng, 22 thợ tam hàng, 12 thợ ngũ hàng, 21 thợ lục hàng, 13 thợ thất hàng. Đối tượng được truyền nghề không nhất thiết phải là người bản xứ...

²⁰ Nằm trong khu vực trung tâm của châu thổ sông Hồng - giáp với Kê Chợ, gần Phố Hiến.

²¹ Đoàn Văn Chúc (1997), Văn hoá học, Viện Văn hoá, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr 133.

²² Bánh dày được làm bằng bột nếp, nặn tròn với đường kính khoảng hai đốt ngón tay còn bánh cuốn được làm thành hình dài - hay còn được ví như linga. Vừa làm bánh thanh niên vừa nói với nhau những câu chuyện vui, tếu, có khi cả trêu ghẹo nhau để tạo không khí vui vẻ. Theo quan niệm xưa, nếu làm như vậy sẽ được thành hoàng phù hộ, có nhiều con cái.

²³ Cây bông là 1 đoạn tre đực tươi, dài đủ 5 đốt, lấy theo ngũ phúc (Phú, quý, thọ, khang, ninh), đoạn tre được chọn đem cạo sạch tinh, từ giữa hai mấu tre người ta tước ập vào, bọc xung quanh mấu thành một đám bông tướp tre xù tròn. Người ta thường làm hai cây rồi rước lên bàn thờ ở hai bên hương án - linh vật của lễ hội. Đến chính Ngọ của ngày mùng 6 tháng 2, các cụ thủ từ nâng cây bông lên và múa vài đường rồi tung bông lên trời cho trai làng, trai dự hội nhảy lên bắt. Tục xưa truyền lại rằng: ai cướp được cây bông sẽ sinh con trai. Vì thế đàn ông trong làng ngoài xã thường chờ giây phút này, các bà các mẹ lại hy vọng nhặt được tùm bông rơi vãi mang về cho trẻ con đeo để lấy khước.

²⁴ Tục lệ này được mô tả trong bài viết của GS. Từ Chi "Từ một vài trò diễn trong lễ hội làng..." (Trần Từ, *Từ một vài trò diễn trong lễ hội làng...*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 3/1991, tr17-18)

²⁵ Khu vực này nằm trong tầm ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Hai Bà Trưng (?) - đây là một trong những vấn đề nghiên cứu tiếp theo của tác giả

²⁶ UBND xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm (1989), *Quê gốm Bát Tràng*, NXB Hà Nội, tr 26.

²⁷ Làng Đồng Xâm: theo quy định, cha không được phép truyền nghề cho con gái, cùng trong phường Phúc Lộc phải giúp đỡ lẫn nhau khi gặp hoạn nạn (để nhận ra nhau khi cần sự giúp đỡ là: hòn than và lông gà), nếu ai vi phạm những điều cấm kỵ thì vào ngày giỗ tổ sẽ có những hình phạt tại am thờ tổ nghề.

²⁸ Ví dụ như làng Sơn Đồng: Khi dân làng Vác (huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ) nay thuộc Hà Nội) đến học nghề thì người thợ Sơn Đồng thống nhất với nhau chỉ dạy các công đoạn thô của quá trình làm tượng như đục tượng gỗ, bó thân tượng đất còn phần sơn thiếp vẫn phải đưa về làm tại làng Sơn Đồng.

²⁹ Văn Tân (chủ biên) (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, tr 95.